

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2006/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 06 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh chuyển sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức của HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 196/TT - KH&ĐT, ngày 20 tháng 11 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh chuyển sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Thanh Kiểm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do- hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh chuyển sang Chi nhánh Ngân hàng CSXH để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21 /2006 /QĐ-UBND ngày 06 /12 /2006 của UBND tỉnh)

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế này quy định về chế độ quản lý, sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách tỉnh chuyển sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Đối tượng được vay vốn:

Là hộ nghèo được quy định mục 2, văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02 tháng 5 năm 2003 về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội;

Điều 3. Điều kiện vay, nguyên tắc sử dụng vốn:

Thực hiện theo quy định tại mục 3, 4 và 5, văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02 tháng 5 năm 2003 về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội;

II- NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mức vay, thời hạn, lãi suất cho vay và quy trình thủ tục, hồ sơ cho vay và định kỳ thu nợ lãi.

Được thực hiện theo quy định tại mục 6,7,8,9,10,11 và 12 hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo, số 316/NHCS-KH ngày 02 tháng 5 năm 2003 của Ngân hàng chính sách xã hội.

Điều 5. Xử lý nợ bị rủi ro:

Được thực hiện theo quyết định số 69/2005/TTg ngày 04/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 65/2005/TT-BTC ngày 16/8/2005 của Bộ tài chính, Quyết định số 55/QĐ-HĐQT ngày 24/02/2006 về việc Ban hành quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội.

1- Phạm vi, nguyên tắc, biện pháp, mức độ và thủ tục trình tự xử lý nợ bị rủi ro:

Được thực hiện theo quy định tại các điều 4,5,6,7,8,9,10 và 11 Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống ngân hàng chính sách xã hội, ban hành kèm theo Quyết định số 55 ngày 24 tháng 02 năm 2006 của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng chính sách xã hội.

2- Thẩm quyền, trình tự và nguồn vốn để thực hiện xử lý nợ bị rủi ro:

-Thẩm quyền xử lý: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử lý nợ bị rủi ro, do Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan thẩm tra xem xét và đề nghị;

- Nguồn vốn xử lý nợ bị rủi ro: Quỹ dự phòng rủi ro quy định tại khoản 3, Điều 6 của Quy chế này.

Điều 6. Phân phối lãi cho vay thu được:

Hàng quý trên cơ sở số lãi cho vay thu được, sẽ được phân bổ theo tỷ lệ như sau:

1- Chi trả phí hoa hồng cho tổ trưởng tổ vay vốn, chi phí uỷ thác cho tổ chức Hội, đoàn thể các cấp là **17%** trên tổng số lãi thu được; trong đó:

- Đối với tổ Tiết kiệm và vay vốn được uỷ nhiệm thu lãi thì được hưởng mức hoa hồng là 0,085% /tháng tính trên thực lãi thu được.

- Đối với tổ Tiết kiệm và vay vốn không được uỷ nhiệm thu lãi, mà chỉ làm nhiệm vụ đôn đốc tổ viên trả nợ, trả lãi thì được hưởng mức hoa hồng là 0,075%/ tháng tính trên thực lãi thu được.

2- Chi trả phí uỷ thác đối với các tổ chức Chính trị xã hội các cấp **8%** số lãi thu được trong đó: Tỉnh được hưởng 1%, huyện 2% và xã là 5%).

3- Trích quỹ dự phòng rủi ro **27%** trên tổng số lãi thu được.

4- Khen thưởng cho tập thể cá nhân có thành tích **8%** trên tổng số lãi thu được.

5- Chi phí quản lý **20%** bao gồm các khoản chi như: Chi ấn chỉ, chi hội họp, chi công tác phí, chi cho công tác thanh tra kiểm tra.

6- Chi đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị làm việc phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội số còn lại là **20%** trên tổng số lãi thu được.

Điều 7. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định phân phối lãi vay:

Trên cơ sở hàng quý số tiền lãi thu được, Sở Tài chính chủ trì cùng với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất trình UBND tỉnh xem xét quyết định việc sử dụng lãi theo tỷ lệ tại Điều 6 của Quy chế này cho các đơn vị được hưởng.

Điều 8. Hạch toán kế toán:

Toàn bộ hồ sơ dư nợ cho vay thuộc nguồn vốn Ngân sách tỉnh được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và được theo dõi, quản lý, hạch toán riêng. Để phân biệt với các nguồn vốn khác, trên hồ sơ vay vốn đóng dấu “nguồn vốn Ngân sách tỉnh”.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ngành và cơ quan có liên quan:

1- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Có trách nhiệm quản lý nguồn vốn Ngân sách tỉnh chuyển sang để cho vay, thu nợ, bảo toàn vốn; sử dụng số lãi thu được đúng mục đích, đối tượng quy định tại điều 6 của Quy chế này.

- Hàng năm tiến hành tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay từ nguồn vốn Ngân sách tỉnh báo cáo UBND tỉnh và một số ngành có liên quan.

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật và các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý và sử dụng nguồn vốn Ngân sách tỉnh được chuyển để cho vay.

2- Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Có trách nhiệm phối hợp với các Sở Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội và Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Lạng Sơn tổ chức kiểm tra, giám sát, việc quản lý và sử dụng vốn vay đối với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch thuộc Ngân hàng chính sách xã hội tại các huyện, thành phố.

3- Sở Tài chính:

- Hàng năm căn cứ nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh để có thể chuyển một số nhất định cho Ngân hàng chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn thực hiện cho vay đối với hộ nghèo;

- Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh thẩm định xử lý các khoản vay nợ rủi ro và phân phối lãi thu được trình UBND tỉnh xem xét quyết định;

4- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Có trách nhiệm quản lý, theo dõi giám sát nguồn vốn từ ngân sách tỉnh chuyển sang Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện cho vay đối với hộ nghèo;

- Hàng năm tổ chức điều tra, rà soát xác định tiêu chuẩn hộ nghèo làm cơ sở để thực hiện cho vay đúng đối tượng;

- Tổ chức tập huấn cán bộ xã, các trưởng thôn về triển khai công tác xóa đói giảm nghèo; trong đó bao gồm cả việc cho vay đối với hộ nghèo ở cơ sở;

5. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn:

Có trách nhiệm thực hiện thanh tra, kiểm soát trực tiếp đối với các hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh theo quy định về quản lý nhà nước trên địa bàn.

6- Ủy ban nhân dân các cấp:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ quy định tại điều 26, 27 tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Điều 10. Chế độ thông tin báo cáo:

Định kỳ 6 tháng, một năm Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm tổng hợp số liệu báo cáo UBND tỉnh về tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn cho vay, đồng thời gửi các ngành chức năng có liên quan quản lý đối với nguồn vốn ngân sách của tỉnh.

Điều 11. Qui chế này được áp dụng kể từ ngày 01/01/2006./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Thanh Kiểm